TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ - TP HÀ NỘI** *** * * ***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 21/02/2020.
V/v: Ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tưởng Ngọc Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Tiến Lợi**
2. Bà **Nguyễn Thị Liên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huyền**, thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/02/2020 tại Trụ sở TAND huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2020 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989**.**

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Doãn T, sinh năm 1985. .

Đều ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Bài Trượng, xã Hoàng Diệu, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

Đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai của chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Doãn T, sinh năm 1985, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Diệu, huyện Chương Mỹ ngày 10/01/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: quan điểm sống, lối sống luôn bất đồng. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Nay chị thấy

tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Doãn An B, sinh ngày 04/10/2014 hiện nay cháu đang ở với anh T. Nếu ly hôn chị xin nuôi cháu B và không yêu cầu anh T đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Doãn T xác nhận và trình bày: Anh có đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Diệu ngày 10/01/2014. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống, lối sống luôn bất đồng, anh chị sống ly thân nhau từ tháng 10/2019 đến nay. Nay anh nhận được thông báo của Tòa án về việc chị H xin ly hôn. Anh muốn vợ chồng về hàn gắn để cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Doãn An B – sinh ngày 04/10/2014, hiện nay cháu B đang ở với anh. Nếu phải ly hôn anh xin được nuôi cháu B và không yêu cầu đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay chị H và anh T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự, tạo điều kiện cho các bên được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H. Về hôn nhân xử chị H được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cháu Bình cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi có thay đổi khác. Chị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị H đã làm đơn khởi kiện theo mẫu và nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa chị H và anh T trên cơ sở có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không bảo ban

được nhau, vợ chồng có quá nhiều điểm bất đồng trong lối sống, quan điểm sống, vợ chồng anh chị cũng có thời gian sống ly thân; anh T xin được đoàn tụ nhưng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị H có đơn đề nghị ly hôn với anh T là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Doãn An B, sinh ngày 04/10/2014. Khi ly hôn chị H, anh T đều xin được nuôi con chung. Xét yêu cầu của các bên đều chính đáng. Anh T cũng có công việc và thu nhập ổn định. Tuy nhiên hiện nay cháu Bình đang còn nhỏ nên cần phải có sự chăm sóc của người mẹ, mặt khác chị H cũng có thu nhập ổn định, cũng đủ điều kiện để nuôi dạy cháu B, nên cần giao cháu B cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi có yêu cầu khác. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[4.] Về tài sản chung: Chị H, anh T đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử thì chị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Doãn T.

Về con chung: Xác nhận chị H, anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Doãn An B, sinh ngày 04/10/2014. Giao cháu B cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi có yêu cầu khác. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên đều thừa nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004478 ngày 26/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

Áp dụng Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự báo chị H, anh T biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND thành phố Hà Nội;
-VKSND huyện Chương Mỹ;
-Chi cục THA huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Hoàng Diệu huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
-Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tưởng Ngọc Tuấn